

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/HS-PT
Ngày: 23/10/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Hương.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hùng Long và ông Nguyễn Thanh Hải.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Thế Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 77/2018/HS-PT ngày 18 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn C, Phan Thanh P; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 102/2018/HS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn C, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H; vợ Đinh Thị L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ từ ngày 03/02/2018 đến ngày 12/02/2018 được tại ngoại; bị bắt tạm giam từ ngày 16/7/2018 đến nay (có mặt).

2. Phan Thanh P, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ 8, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T (đã chết) và bà Bạch Thị T; vợ Vũ Thị Minh H và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 03/02/2018 đến ngày 12/02/2018 được tại ngoại (có mặt).

- Bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Tổ 8, phường Q, thành phố

P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, vợ Nguyễn Thị H và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/02/2018 đến ngày 12/02/2018 được tại ngoại (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:*

+ NLQ1, sinh năm 1980; trú tại: Xóm 3, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam (vắng mặt).

+ NLQ2, sinh năm 1964; trú tại: Tổ dân phố Đ, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (vắng mặt).

+ NLQ3, sinh năm 1983; trú tại: Xóm 1, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam (vắng mặt).

+ NLQ4, sinh năm 1982; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam (vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1978 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn C là Đội trưởng đội bảo vệ tại chợ B (thuộc phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam), C có hành vi bán số lô, số đề trái phép cho khách tại khu chợ P dưới hình thức nhắn tin qua điện thoại di động của khách mua số lô, số đề. Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc, C tính số tiền bán và tiền trúng thưởng rồi trả tiền cho người trúng thưởng. Các khách chơi gửi tin nhắn SMS đến số điện thoại 0913.368.926 của C để mua các con số, C nhận được và nhắn tin trả lời “Ok”. Việc thanh toán tiền mua và trúng thưởng khách sẽ liên hệ với C và đối trừ tiền, nếu khách trúng thưởng sẽ được lĩnh thưởng theo giá trị từng con số đã mua, C sẽ trả thưởng với tỷ lệ tương ứng và nếu khách không trúng thưởng thì C sẽ được số tiền mà khách đã mua.

Với cách thức chơi và tỷ lệ được thua như sau: Đối với hình thức số đề, khách sẽ lựa chọn bộ số gồm hai chữ số bất kì từ số 00 đến số 99 để mua; đối với hình thức chơi ba số (thường gọi là ba càng) khách sẽ lựa chọn một bộ số gồm có ba chữ số từ 000 đến 999 để mua; đối với hình thức chơi lô (bao lô) khách sẽ chọn một số gồm hai chữ số bất kì từ số 00 đến số 99 để mua và được tính theo điểm lô. Tất cả các con số đề, số ba càng, bao lô, lô xiên đều được so với kết quả quay số mở thưởng của xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng ngày tương ứng. Đối với số đề và số ba càng chỉ được so với hai hoặc ba số cuối của giải đặc biệt, nếu bộ số đề và bộ số ba càng mà khách mua

trùng với hai và ba số cuối của giải đặc biệt thì người chơi trúng thưởng với tỷ lệ giải thưởng: Số đề 1 gấp 70 lần, ba càng 1 gấp 400 lần, đối với hình thức bao lô thì được so với hai số cuối của tất cả 27 giải nếu trùng với hai số cuối của bất kì giải nào thì người chơi với hình thức bao lô sẽ trúng thưởng và được lĩnh thưởng mỗi điểm bao lô ăn 80.000đ/điểm, hình thức chơi bao lô nếu bộ số mà khách mua trùng với hai số cuối của bao nhiêu giải thì được lĩnh thưởng tương đương với từng giải đó.

Khoảng 17h45 ngày 03/02/2018, Nguyễn Văn C đến ki ốt số 04 chợ Bàu của Phan Thanh P (thuộc tổ 2, phường L, thành phố P) để bán số lô, số đề cho P. Tại đây, P đọc các con số lô, số đề theo từng số tiền cụ thể đã ghi sẵn ở tờ giấy nhỏ cho C, nhận giấy C cầm chiếc điện thoại Iphone 6 có số thuê bao 0913.368.926 ghi vào mục tin nhắn các con số mà P đã đọc. Sau khi ghi xong, C lại gửi toàn bộ phần tin nhắn đã viết cho P vào số thuê bao 0128.803.1956 để xác nhận và lưu lại tin nhắn đó. Số tiền mua số lô, số đề C và P sẽ thanh toán vào ngày hôm sau khi đối chiếu kết quả trúng thưởng thì đối trừ. Đối với các con số đề bán cho P thì C khuyến mại chỉ thu tiền bằng 80% giá trị số mua, đối với các con số lô, C thu tiền của một điểm lô là 22.000đ. Khi P và C đang thực hiện hành vi mua bán số lô, số đề trái phép thì bị Tổ công tác của Công an thành phố P phát hiện bắt quả tang.

Ngày 04/02/2018, Nguyễn Văn T đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P đầu thú khai nhận hành vi mua các số lô bằng điện thoại di động của Nguyễn Văn C, đồng thời giao nộp 01 điện thoại di động màu vàng, số thuê bao 091.888.6906.

Số tiền Phan Thanh P dùng để đánh bạc như sau:

- Ngày 31/01/2018 số tiền đánh bạc là 182.800.000đ (cụ thể: C bán cho P các con số đề với tổng số tiền là 52.800.000đ, bán 3000 điểm lô tương ứng 66.000.000đ. Trong các số lô mà C bán cho P ngày 31/01/2018, P đã trúng thưởng các con số 27, 22, 60, 46 với tổng số điểm trúng là 800 điểm tương ứng số tiền nhận thưởng là 64.000.000đ).

- Ngày 01/02/2018 số tiền đánh bạc là 186.000.000đ (cụ thể: C bán cho P 2600 điểm lô tương ứng với số tiền 57.200.000đ, P mua 64.800.000đ các con số đề. Trong các số lô mà C bán cho P ngày 01/02/2018, P đã trúng thưởng các con số 83, 89, 36, 84 với tổng số điểm trúng là 800 điểm tương ứng số tiền nhận thưởng là 64.000.000đ).

- Ngày 02/02/2018 số tiền đánh bạc là 337.600.000đ (cụ thể: C bán cho P 3000 điểm lô tương ứng với số tiền 66.000.000đ, bán các con số đề với số tiền 73.600.000đ. Trong các số mà C bán cho P ngày 02/02/2018 đã trúng các con số lô 00, 04, 05, 72 với tổng số điểm trúng là 1600 điểm tương ứng số tiền

nhận thưởng là 128.000.000đ và trúng thưởng con đề số 73 với số tiền mua là 1.000.000đ tương đương với số tiền thưởng là 70.000.000đ).

- Ngày 03/02/2018 số tiền đánh bạc là 76.402.000đ.

Tổng số tiền P dùng vào việc đánh bạc là 782.802.000đ.

Số tiền Nguyễn Văn T dùng để đánh bạc như sau: Ngày 02/02/2018 T đã sử dụng số tiền 2.300.000đ để mua số lô của C; trong các con số lô mà T mua của C đã trúng thưởng là những con số 00, 02, 04, 05 với số tiền là 3.200.000đ. Vậy tổng số tiền T đánh bạc ngày 02/02/2018 là 5.500.000đ.

Số tiền Nguyễn Văn C dùng để đánh bạc như sau: Ngày 31/01/2018 số tiền đánh bạc là 182.800.000đ; ngày 01/02/2018 số tiền đánh bạc là 186.000.000đ; ngày 02/02/2018 số tiền đánh bạc là 348.925.000đ; ngày 03/02/2018 số tiền đánh bạc là 81.894.500đ. Tổng cộng là 799.619.500đ.

Quá trình điều tra xác định: Nguyễn Văn C còn bán số lô, số đề cho NLQ2 số tiền 882.500đ; NLQ3 số tiền 100.000đ; NLQ4 số tiền 660.000đ. Đối với NLQ1, ngày 02/02/2018 mua của C số đề và ba càng với số tiền 4.725.000đ; ngày 03/02/2018 NLQ1 tiếp tục mua của C số đề với số tiền là 4.950.000đ.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, Nguyễn Văn C khai ngoài bán số lô số đề cho các đối tượng trên, C còn bán cho Nguyễn Minh K, sinh năm 1991 (Tổ 8, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam) vào ngày 03/02/2018 các con số lô 37, 23, 32 mỗi con 40.000đ, với tổng số tiền là 120.000đ. Cơ quan điều tra triệu tập, lấy lời khai K nhưng K không thừa nhận hành vi mua số lô, số đề của C, ngoài lời khai của C ra không có tài liệu nào khác chứng minh hành vi của K đã mua số lô của C.

Ngoài ra, Nguyễn Văn C khai các con số lô, số đề bán được hàng ngày C chuyển cho một người phụ nữ tên H không rõ địa chỉ dưới hình thức nhắn tin vào số điện thoại 0913.460.621. Ngày 08/03/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã ra Lệnh thu giữ điện tín số 04 thu giữ họ tên, danh sách cuộc gọi đi, đến và tin nhắn của thuê bao 0913.460.621. Ngày 26/04/2018, Ban khai thác mạng Chi nhánh tổng công ty hạ tầng mạng VNPT đã có văn bản trả lời số 980/KTM-ANM cung cấp thông tin thuê bao và danh sách cuộc gọi đi, đến của số thuê bao 0913.460.621. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P tiến hành xác minh và ghi lời khai của người có thông tin như trong công văn trả lời của Ban khai thác mạng là bà Trần Thị Minh T, sinh năm 1967 (thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam) bà T khai không biết gì liên quan đến số điện thoại 0913460621, không cho ai mượn giấy tờ cá nhân để đăng ký thông tin thuê bao và không biết gì về thông tin người sử dụng số điện thoại này.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu giữ của Nguyễn Văn C: 01 điện thoại di động Iphone 6 màu trắng và số tiền 40.000.000đ.

- Thu giữ của Phan Thanh P: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen và số tiền 19.000.000đ; 01 tờ giấy kích thước (14 x 23)cm có ghi các con số lô, số đề mua ngày 02/02/2018 có chữ ký của P; 01 tờ giấy kích thước (14 x 23)cm có ghi các con số lô, số đề ngày 03/02/2018, có chữ ký của P.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phan Thanh P (Tổ 8, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam và nơi bán hàng tại ki ốt số 4, chợ B thuộc tổ 2, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam) thu giữ 01 tờ giấy dòng kẻ ngang bị rách, thùng nhiều chỗ một mặt có ghi chữ, các số bằng mực màu xanh tại áo khoác treo trong phòng ngủ của P; khám xét tại ki ốt số 4 chợ Bàu, không thu giữ được gì.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P còn tiến hành thu giữ vật chứng của NLQ3 01 điện thoại di động Nokia màu đen 105; NLQ1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S8 Plus; NLQ2 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J5 màu vàng.

Ngày 09/04/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P có Công văn số 294 gửi Sở thông tin truyền thông tỉnh Hà Nam đề nghị xác định việc các đối tượng gửi tin nhắn SMS qua các nhà mạng có phải là sử dụng mạng viễn thông hay không. Ngày 10/04/2018, Sở thông tin truyền thông tỉnh Hà Nam có văn bản trả lời số 35/STTTT-BCVTCNTT xác định các đối tượng sử dụng điện thoại di động để nhắn tin bằng tin nhắn SMS qua các mạng di động để mua các số lô, số đề là việc sử dụng dịch vụ viễn thông qua mạng viễn thông công cộng do doanh nghiệp viễn thông cung cấp.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 102/2018/HS-ST ngày 13/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C, Phan Thanh P, Nguyễn Văn T phạm tội “Đánh bạc”. Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 321 (đối với bị cáo C); điểm b khoản 2 Điều 321 (đối với bị cáo P); điểm c khoản 2 Điều 321 (đối với bị cáo T); Điều 50; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 321; Điều 35; Điều 47 (đối với các bị cáo); Điều 38 và điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với bị cáo C, P); Điều 65 (đối với bị cáo T) của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Nguyễn Văn C 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù; Phan Thanh P 48 (bốn mươi tám) tháng tù; Nguyễn Văn T 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 16/8/2018 bị cáo Phan Thanh P có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo; ngày 24/8/2018, bị cáo Nguyễn Văn C kháng cáo xin giảm hình phạt. Tại phiên tòa, bị cáo C, P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo; căn cứ Công văn số 196/TANDTC-PC hướng dẫn áp dụng điểm c khoản 2 Điều 321 BLHS năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; áp dụng b khoản 1 Điều 355; điểm b, c khoản 1, khoản 3 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 102/2018/HS-ST ngày 13/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố P. Không áp dụng tình tiết định khung theo c khoản 2 Điều 321 (đối với bị cáo C); chuyển khung hình phạt, áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS (đối với bị cáo T). Đề nghị xử phạt Nguyễn Văn C từ 48 đến 50 tháng tù; Phan Thanh P từ 39 đến 41 tháng tù; Nguyễn Văn T từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; đều về tội “Đánh bạc”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C, Phan Thanh P kháng cáo trong thời hạn luật định, đơn thể hiện đầy đủ nội dung quy định tại khoản 2 Điều 332 Bộ luật Tố tụng hình sự, đơn của các bị cáo hợp lệ cần được cấp phúc thẩm xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn C, Phan Thanh P, Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 31/01/2018 đến ngày 03/02/2018 (04 ngày), Nguyễn Văn C đã đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề qua điện thoại với tổng số tiền 799.619.500đ. Phan Thanh Phong từ ngày 31/01/2018 đến ngày 03/02/2018 đã đánh bạc dưới hình thức mua số lô, số đề của C với tổng số tiền 782.802.000đ. Nguyễn Văn T đã sử dụng điện thoại đánh bạc trong ngày 02/02/2018 với số tiền là 5.500.000đ. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn C, Phan Thanh P cấp phúc thẩm thấy rằng: Trong vụ án này, bị cáo C là người trực tiếp bán các số lô, số đề, trả thưởng cho các đối tượng đánh bạc nên giữ vai trò chính; bị cáo P và T là những người trực tiếp mua các số lô, số đề của C nên giữ vai trò đồng phạm. Các bị cáo C, P thực hiện hành vi đánh bạc nhiều lần, với số tiền lớn nên phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm

hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Quá trình đánh bạc bằng hình thức bán số lô, số đề trái phép, bị cáo C, T đã sử dụng mạng viễn thông là phương tiện để liên lạc với nhau dưới hình thức nhắn tin qua điện thoại. Ngày 13/8/2018, các bị cáo đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Đánh bạc”, bị cáo C bị xét xử theo điểm b, c khoản 2 Điều 321 BLHS, bị cáo P theo điểm b khoản 2 Điều 321 BLHS, bị cáo T theo điểm c khoản 2 Điều 321 BLHS là đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên, ngày 04/9/2018, Tòa án nhân dân tối cao ban hành Công văn số 196/TANDTC-PC hướng dẫn áp dụng điểm c khoản 2 Điều 321 BLHS năm 2015 như sau:

“Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 321 BLHS được hiểu là việc sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông và các phương tiện điện tử để đánh bạc trực tuyến (như hình thành nên các chiếu bạc online hoặc sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để tổ chức đánh bạc, gá bạc).

Việc người phạm tội sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông và các phương tiện điện tử khác như phương tiện liên lạc với nhau (ví dụ: tin nhắn qua điện thoại, qua email, zalo, viber... để ghi số đề, lô tô, cá độ đua ngựa...) mà không hình thành nên các trò chơi được thua bằng tiền hoặc hiện vật trực tuyến thì không thuộc trường hợp *“Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông và các phương tiện điện tử để phạm tội”* quy định tại điểm c khoản 2 Điều 321 BLHS.

Theo hướng dẫn Công văn 196 nêu trên, bị cáo C, T chỉ sử dụng mạng viễn thông để liên lạc với nhau bằng hình thức nhắn tin qua điện thoại để đánh bạc, không hình thành các trò chơi được thua bằng tiền trực tuyến nên không thuộc trường hợp *“Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông và các phương tiện điện tử để phạm tội”* nên bị cáo C, T không phải chịu tình tiết định khung theo điểm c khoản 2 Điều 321 BLHS. Đối với số tiền bị cáo C, P sử dụng để đánh bạc nhiều lần, mỗi lần trên 50 triệu đồng, bị cáo T sử dụng tiền đánh bạc 5.500.000đ nên bị cáo C và P phạm tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 BLHS, bị cáo T phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Tại cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như: khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu. Trong giai đoạn phúc thẩm các bị cáo còn tự nguyện nộp tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm cụ thể C nộp 10.000.000đ, P nộp 25.200.000đ thể hiện rõ thái độ ăn năn hối cải của các bị cáo.

Từ nội dung trên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo C, P và cũng giảm hình phạt tù nhưng

cho hưởng án treo đối với bị cáo T theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Phan Thanh P cấp phúc thẩm thấy: Tuy bị cáo tham gia đánh bạc với vai trò đồng phạm nhưng bị cáo tham gia đánh bạc nhiều lần với số tiền đánh bạc rất lớn. Căn cứ Điều 65 BLHS và khoản 5 Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định những trường hợp không cho hưởng án treo: “*Người phạm tội nhiều lần ...*”. Do vậy, bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo nên kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo P không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về số tiền bị cáo Nguyễn Văn C nộp 10.000.000đ và Phan Thanh P nộp 25.200.000đ tại cơ quan thi hành án trong giai đoạn phúc thẩm sẽ được đối trừ trong quá trình thi hành án.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo C, P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b, c khoản 1, khoản 3 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn C, Phan Thanh P; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 102/2018/HS-ST ngày 13/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam đối với Nguyễn Văn C, Phan Thanh P, Nguyễn Văn T.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321 BLHS (đối với bị cáo C, P); khoản 1 Điều 321 BLHS (đối với bị cáo T); Điều 50; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 3 Điều 321; Điều 35; Điều 47 BLHS (đối với các bị cáo); Điều 38 và điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS (đối với bị cáo C, P); Điều 65 BLHS (đối với bị cáo T).

1. Xử phạt:

+ Nguyễn Văn C 48 (bốn mươi tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/7/2018 (được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 03/02/2018 đến ngày 12/02/2018).

+ Phan Thanh P 39 (ba mươi chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 03/02/2018 đến ngày 12/02/2018).

+ Nguyễn Văn T 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày

tuyên án sơ thẩm (ngày 13/8/2018). Giao bị cáo cho UBND phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về số tiền bị cáo Nguyễn Văn C nộp 10.000.000đ theo biên lai số AA/2010/04451 ngày 22/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố P và Phan Thanh P nộp 25.200.000đ theo biên lai số AA/2010/04447 ngày 17/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố P được đối trừ trong quá trình thi hành án.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn C, Phan Thanh P không phải chịu.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương

